

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2016

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2016

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2016 ĐẾN 30/06/2017)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016	1 - 5
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016	6
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016	7-8
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016	9-28

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		784.924.767.749	932.435.161.773
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	113.171.170.539	21.642.694.837
1. Tiền		111		113.171.170.539	21.642.694.837
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán		121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		408.802.868.258	374.163.475.042
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.4	7.622.484.792	104.552.343.087
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.5	300.496.520.193	186.008.276.343
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		74.915.970.096	69.315.831.243
6. Các khoản phải thu khác		136	V.6	32.970.213.942	21.489.345.134
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137	V.7	(7.202.320.765)	(7.202.320.765)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		253.602.631.826	535.870.922.152
1. Hàng tồn kho		141	V.8	253.602.631.826	535.870.922.152
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		9.348.097.126	758.069.742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	9.348.097.126	758.069.742
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.603.700.319.258	1.588.106.014.917
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		9.092.429.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.10	9.092.429.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		1.373.936.140.480	1.370.010.392.871
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.356.174.059.397	1.352.115.090.143
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.633.911.685.074	2.623.398.045.761
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.277.737.625.677)	(1.271.282.955.618)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	17.762.081.083	17.895.302.728
	<i>Nguyên giá</i>	228		27.162.779.249	27.162.779.249
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.400.698.166)	(9.267.476.521)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		65.897.626.257	57.909.347.582
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	65.897.626.257	57.909.347.582
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		123.181.921.223	123.181.921.223
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	94.506.593.886	94.506.593.886
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	47.033.790.000	47.033.790.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	15.251.145.800	15.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(33.609.608.463)	(33.609.608.463)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		31.592.202.298	37.004.353.241
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	28.900.740.257	34.312.891.200
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.691.462.041	2.691.462.041
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.388.625.087.007	2.520.541.176.690

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		756.124.716.366	920.003.773.531
I. Nợ ngắn hạn		310		621.310.811.389	788.619.680.193
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.29	47.534.760.969	57.053.332.078
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	38.044.141.885	101.095.446.250
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	12.490.009.551	6.600.756.027
4.	Phải trả người lao động	314		5.671.765.883	6.321.754.335
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	12.091.854.203	16.991.123.468
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	12.463.391.310	10.813.025.694
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	472.685.809.122	568.172.817.788
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	20.329.078.466	21.571.424.553
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		134.813.904.977	131.384.093.338
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6.	Phải trả dài hạn khác	337		16.720.591.150	16.720.591.150
7.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.26	56.830.000.000	56.830.000.000
8.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	-	-
12.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.27	61.263.313.827	57.833.502.188

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.632.500.370.641	1.600.537.403.159
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.588.534.466.232	1.556.556.598.750
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.28	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.28	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	551.866.229.432	551.866.229.432
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.28	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		156.491.825.016	124.513.957.534
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.28	128.887.511.174	37.342.180.230
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.604.313.842	87.171.777.304
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		43.965.904.409	43.980.804.409
1. Nguồn kinh phí	431	V.29	3.894.435.593	3.909.335.593
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.30	40.071.468.816	40.071.468.816
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.388.625.087.007	2.520.541.176.690

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

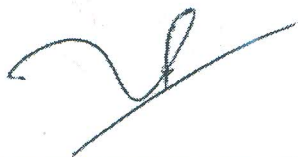
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.34	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.35	1.594.806.581	1.594.806.581
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1.160	1.160
Euro (EUR)		105	105

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Lê Huy Hùng

Lê Thị Huệ

Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 - Niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07-30/09	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	361.209.839.844	344.544.900.730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	133.098.232	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	361.076.741.612	344.544.900.730
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	303.910.079.544	299.730.961.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.166.662.068	44.813.939.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	906.858.119	2.000.622.980
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.824.734.948	12.291.175.744
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.824.734.948	9.454.140.905
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.760.281.760	7.369.364.422
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.870.488.056	8.309.187.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.618.015.423	18.844.834.644
11. Thu nhập khác	31	VI.7		17.701.485
12. Chi phí khác	32	VI.8	95.340.700	2.067.608.614
13. Lợi nhuận khác	40		(95.340.700)	(2.049.907.129)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.522.674.723	16.794.927.515
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	4.918.360.881	3.013.639.822
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.604.313.842</u>	<u>13.781.287.693</u>

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09

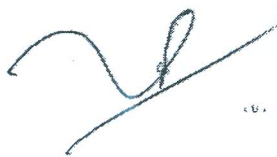
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.522.674.723	16.794.927.515
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.552.343.715	3.344.792.765
- Các khoản dự phòng	03		-	(463.559.303)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		906.858.119	102.720.472
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.824.734.948	9.454.140.905
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.806.611.505	29.233.022.354
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(44.638.680.335)	(38.000.499.218)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		282.268.290.326	197.636.165.771
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(60.193.110.949)	(34.385.160.790)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.177.876.441)	(15.174.848.158)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.193.129.922)	(9.708.635.640)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.918.360.828)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	619.550.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(436.341.000)	(1.153.031.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		205.517.402.356	129.066.562.619
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.501.917.988)	(51.362.116.940)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.501.917.988)	(51.662.116.940)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		157.902.765.949	237.442.100.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(253.389.774.615)	(314.069.492.251)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(95.487.008.666)</u>	<u>(76.627.392.251)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		91.528.475.702	777.053.428
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.642.694.837	15.558.653.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>113.171.170.539</u>	<u>16.335.707.069</u>

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



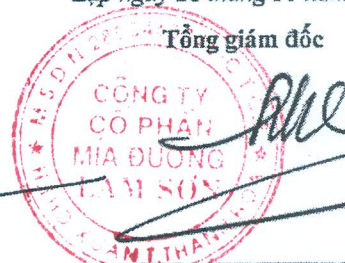
Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016 tức là Quý I của Niên độ tài chính từ 01/07/2016 đến 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 - 35
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/07/2016 đến 30/09/2016, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.487.395.787	1.234.039.973
Tiền gửi ngân hàng	108.683.774.752	20.408.654.864
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>113.171.170.539</u>	<u>21.642.694.837</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư, cho vay ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>7.622.484.792</u>	<u>104.552.343.087</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	277.070.047.314	170.627.233.304
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	23.426.472.879	15.381.043.039
Cộng	<u>300.496.520.193</u>	<u>186.008.276.343</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế TNCN	154.837.895	-
Phải thu BHXH của CBCNV	409.003.360	276.395.020
Phải thu của Công ty CP rượu VN-TĐ	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	8.268.245.768	-
Tạm ứng	1.557.590.606	979.934.209
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.754.063.898	11.552.641.754
Các khoản phải thu khác	4.322.412.109	176.313.845
Cộng	<u>32.970.213.942</u>	<u>21.489.345.134</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(7.202.320.765)	(7.202.320.765)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	30.541.387.966	31.858.724.911
Công cụ, dụng cụ	909.167.288	1.163.774.166
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.912.868.548	15.224.824.086
Thành phẩm	207.654.814.695	412.735.278.908
Hàng hóa	2.584.393.329	74.888.320.081
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u><u>253.602.631.826</u></u>	<u><u>535.870.922.152</u></u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	9.348.097.126	785.069.742
Cộng	<u><u>9.348.097.126</u></u>	<u><u>785.069.742</u></u>

10. Phải thu dài hạn khác:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	9.092.429.000	-
Cộng	<u><u>9.092.429.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	573.579.649.331	1.965.650.459.006	60.938.257.677	22.696.289.747	533.390.000	2.623.398.045.761
Tăng trong kỳ						
<i>Mua sắm mới</i>		876.500.000	281.454.545			1.157.954.545
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>						
<i>Tăng khác</i>	6.277.102.236	1.177.417.121		855.027.546	1.046.137.865	9.355.684.768
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	579.856.751.567	1.967.704.376.127	61.219.712.222	23.551.317.293	1.579.527.865	2.633.911.685.074
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	210.702.394.360	987.058.642.438	52.329.009.844	20.968.142.163	224.766.813	1.271.282.955.618
Tăng trong kỳ						
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	2.587.337.280	840.637.028	890.180.731	88.374.681	12.592.350	4.419.122.070
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng do phân loại lại</i>	1.946.888.594	39.385.712		35.325.179	13.948.504	2.035.547.989
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	215.236.620.234	987.938.665.178	53.219.190.575	21.091.842.023	251.307.667	1.277.737.625.677
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	362.877.254.971	978.591.816.568	8.609.247.833	1.728.147.584	308.623.187	1.352.115.090.143
Số cuối kỳ	364.620.131.333	979.765.710.949	8.000.521.647	2.459.475.270	1.328.220.198	1.356.174.059.397

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị lợi thế doanh nghiệp	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	17.975.499.531	9.187.279.718		27.162.779.249
Tăng trong kỳ do mua sắm				
Đầu tư XDCB hoàn thành				
Giảm trong kỳ(phân loại)				
Số cuối kỳ	17.975.499.531	9.187.279.718		27.162.779.249
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	468.330.818	8.799.145.703		9.267.476.521
Tăng trong kỳ do khấu hao	23.483.329	109.738.316		133.221.645
Khấu hao TSCĐ phúc lợi				
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	491.814.147	8.908.884.019		9.400.698.166
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.283.876.139	1.003.016.734		6.286.892.873
Số cuối kỳ	17.507.168.713	388.134.015		17.895.302.728

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	-	-
XDCB dở dang	65.897.626.257	57.909.347.582
Dự án khu nhà làm việc, nhà ở CBNV	21.084.077.986	21.084.077.986
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	36.416.873.242	31.451.859.237
Dự án khác	8.396.675.029	5.373.410.359
Cộng	65.897.626.257	57.909.347.582

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2016	
	Theo g.phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	90%	90%	13.950.000	13.950.000.000
Công ty TNHH L.Sơn- Sao Vàng	100%	100%		21.396.593.886
Công ty CP mía đường Nông Công	56,61%	56,61%	1.180.000	25.960.000.000
Công ty CP ĐT PT L.Sơn - B.Thước	75%	100%	1.350.000	13.500.000.000
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	95%	100%	1.140.000	11.400.000.000
Công ty TNHH 1TV Thành An - Lam Sơn	100%	100%	180.000	8.300.000.000
Cộng				94.506.593.886

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2016	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Du lịch Thanh Hoá	46,31%	46,31%	55.562	10.533.790.000
Công ty CP ĐTPT L.Sơn - N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu V.Nam - T.Điện	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
Cộng				47.033.790.000

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		15.251.145.800		15.251.145.800
+ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông		-		-
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Cổ phiếu MB Land		-		-
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
+ Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP		2.974.645.800		2.974.645.800
Cộng		15.251.145.800		15.251.145.800

17. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(9.374.681.403)	(9.374.681.403)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(24.234.927.060)	(24.234.927.060)
Cộng	(33.609.608.463)	(33.609.608.463)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	KC vào chi phí	
			SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	19.542.320.983	938.968.803	97.464.954	20.383.824.832
Chi phí quy hoạch khu CNC	13.263.342.675	-	9.264.467.537	3.998.875.138
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	131.195.277	-	-	131.195.277
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.376.032.265	3.184.948.713	174.135.968	4.386.845.010
Cộng	34.312.891.200	4.123.917.516	9.536.068.459	28.900.740.257

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người trồng mía	39.337.794.559	23.760.734.860
Phải trả nhà cung cấp tại VPCT	6.158.995.701	30.545.966.027
Phải trả Nhà cung cấp tại CNC	1.399.220.549	759.321.893
Phải trả Nhà cung cấp tại Nhà máy Gạch	585.348.600	643.556.016
Phải trả Nhà cung cấp tại XNCG	53.401.560	1.343.753.282
Cộng	<u>47.534.760.969</u>	<u>57.053.332.078</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	38.044.141.885	101.095.446.250
Cộng	<u>38.044.141.885</u>	<u>101.095.446.250</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.175.214.617	16.935.196.007	10.740.393.235	7.370.017.389
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(29.482.113)	1.488.107.723	1.458.625.610	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế TNDN	5.180.324.849	4.918.360.881	5.097.216.461	5.001.469.269
Thuế TNCN	-	215.391.336	215.391.336	-
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	-	-	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	116.455.725	116.455.725	-
Thuế khác	274.698.674	155.223.747	311.399.528	118.522.893
Cộng	<u>6.600.756.027</u>	<u>23.828.735.419</u>	<u>17.939.481.895</u>	<u>12.490.009.551</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Côn, điện	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý I năm 2016/2017:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.165.905.006
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	266.397.820
- Các khoản điều chỉnh tăng	266.397.820
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập tính thuế trước khi trích lập quỹ PTKHCN	36.432.302.826
Trích lập quỹ PT KHCN	3.643.230.283
Lợi nhuận kế toán trước thuế sau khi trích lập quỹ KHCN	32.522.674.723
Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ PT KHCN	32.789.072.543
Thuế TNDN hiện hành (15%)	4.918.360.881
Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.604.313.842
Thuế nhà đất	
Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.	
Các loại thuế khác	
Công ty kê khai và nộp theo qui định.	

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	692.260.073	2.060.655.047
Chi phí thu mua mía	-	-
Chi phí sửa đường giao thông vùng mía	-	838.000.000
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	-	1.705.806.288
Chi phí phải trả khác	11.399.594.130	12.386.662.133
Cộng	12.091.854.203	16.991.123.468

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.111.604.969	1.329.061.412
Kinh phí công đoàn	1.218.813.841	1.403.493.837
Cổ tức phải trả	-	-
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	61.565.272	55.962.620
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	390.407.149	257.671.928
Hoàn ứng	172.653.109	396.814.907
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	-	-
Bảo lãnh thực hiện HDLĐ	-	1.250.000.000
Các khoản phải trả khác	9.508.346.970	6.120.020.990
Cộng	12.463.391.310	10.813.025.694

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**28. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi sau thuế chưa phân phối</u>
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	565.360.841.491	-	33.808.664.274
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm							89.171.777.304
Lợi nhuận năm trước							
Trích lập các quỹ							(10.500.000.000)
Chia cổ tức năm nay							
Các khoản khác	-	-	-	-	(13.494.612.059)	-	12.033.515.956
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	551.866.229.432	-	124.513.957.534
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	551.866.229.432	-	124.513.957.534
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong kỳ							27.604.313.842
Lợi nhuận năm trước							
Trích lập các quỹ							
Chia cổ tức năm trước							
Chia cổ tức năm nay							
Các khoản khác							4.373.553.640
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	551.866.229.432	-	156.491.825.016

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Cộng	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành BQ trong kỳ	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

29. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	3.909.335.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	
Tăng khác (điều chỉnh số chi năm trước)	
Giảm khác	(14.900.000)
Số cuối kỳ	<u>3.894.435.593</u>

30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	40.071.468.816
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-
Tăng khác (chuyển nguồn Quỹ PL hình thành TSCĐ)	-
Khấu hao trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>40.071.468.816</u>

31. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa nhận giữ hộ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>
32. Nợ khó đòi đã xử lý		
Số đầu năm		1.594.806.581
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ		-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ		-
Số cuối kỳ		1.594.806.581

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2016/2017:**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<u>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	361.209.839.844	344.544.900.730
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	360.983.558.026	335.506.895.766
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	226.281.818	9.038.004.964
Các khoản giảm trừ doanh thu	133.098.232	-
Doanh thu bán thành phẩm	133.098.232	-
Doanh thu thuần	361.076.741.612	344.544.900.730
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	360.850.459.794	335.506.895.766
Doanh thu cung cấp dịch vụ	226.281.818	9.038.004.964

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	224.220.670.742	291.178.899.152
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	78.017.659	
Giá vốn của hàng bán khác	79.611.391.143	8.552.062.052
Cộng	303.910.079.544	299.730.961.204

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	33.938.265	50.861.003
Lãi tiền cho vay	872.919.854	1.949.761.977
Cộng	906.858.119	2.000.622.980

3. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.824.734.948	9.454.140.905
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	102.720.472
DP giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	2.734.314.367
Cộng	8.824.734.948	12.291.175.744

4. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.320.258.096	1.641.296.289
Chi phí vật liệu, bao bì	16.504.856	28.962.637
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	129.732.200	45.131.478
Chi phí khấu hao TSCĐ	385.566.830	378.635.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.139.672	4.783.635.300
Chi phí bằng tiền khác	574.080.106	491.703.708
Cộng	2.760.281.760	7.369.364.422

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.377.954.176	2.688.544.786
Chi phí vật liệu quản lý	28.561.210	62.909.047
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.665.192	78.128.637
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.473.901.090	1.296.568.935
Thuế, phí và lệ phí	169.227.225	1.006.893.816
Chi phí dự phòng, trợ cấp	147.580.000	546.380.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.002.057	1.274.259.400
Quỹ đầu tư phát triển KHCN	3.643.230.243	-
Chi phí bằng tiền khác	5.099.366.823	1.355.502.700

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	13.870.488.016	8.309.187.696

6. Thu nhập khác

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hợp đồng	-	900.000
Các khoản khác	-	16.801.485
Cộng	-	17.701.485

7. Chi phí khác

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao TSCĐ trong thời gian bảo trì	-	940.488.342
Phạt vi phạm HĐ, phạt hành chính	7.500.000	387.600.000
Thuế phạt, truy thu	-	659.647.604
Các khoản khác	87.840.700	79.872.668
Cộng	95.340.700	2.067.608.614

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.604.313.842
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.604.313.842
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	394
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:	
	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/09/2016	01/07/2016
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	32,86	36,99
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	67,14	63,01
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,66	36,50
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,34	63,50
Khả năng thanh toán		30/09/2016	01/07/2016
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,16	2,74
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,26	1,18
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,18	0,03
Tỷ suất sinh lời giai đoạn từ 01/07 đến 30/09:		Năm 2016	Năm 2015
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	9,00	5,69
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	7,64	4,94
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	9,01	5,69
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	7,64	4,94
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,36	0,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,16	0,55
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	1,74	0,89

2. Báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2016 đến 30/09/2016, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 361.209.839.844 đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là 346.559.813.186 đồng chiếm tỷ trọng 95,94%; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 4,06%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng chưa đến 5% tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Theo khu vực địa lý:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP mía đường nông công	Công ty con	7.211.550.000	-
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	-	28.554.000
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	-	49.480.000

Giao dịch bán hàng

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	12.539.660.555	1.363.678.000
Công ty CP mía đường Nông Công	Công ty con	33.075.518.650	31.484.218.650
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	2.733.791.656	4.192.788.302
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	12.978.634.231	21.267.284.254
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	15.290.091.500	-
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	39.950.000	-
Công ty CP mía đường Nông Công	Công ty con	-	10.262.750.120
Phải thu cho vay			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	74.915.970.096	69.315.831.243
Phải thu khách hàng			
Công ty CP mía đường Nông Công	Công ty con	-	109.930.000
Tổng Công ty mía đường I	Công ty liên kết	14.230.150	-
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP mía đường Nông Công	Công ty liên kết	260.351.150	-
Tổng Công ty mía đường I	Công ty liên kết	-	2.278.400.000
Phải thu khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	12.883.000.443	12.883.000.443

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

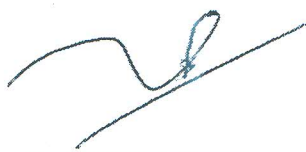
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Lợi nhuận sau thuế Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017) đạt 27.604 triệu đồng tăng 13.823 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2015/2016 (giai đoạn từ 01/07-30/09/2016), tương đương tăng 100% so với cùng kỳ 2015/2016 là do các nguyên nhân sau:

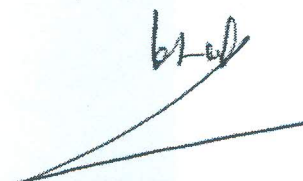
- Doanh thu thuần về bán hàng & CCDV tăng 16.665 triệu đồng tương đương tăng 4,84% so với cùng kỳ năm 2015/2016. Nguyên nhân là do sản lượng tiêu thụ và giá bán các sản phẩm đường trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm 2015/2016.
- Chi phí hoạt động tài chính giảm 3.466 triệu đồng tương đương giảm 28,20% so với cùng kỳ năm 2015/2016 do giảm lãi vay.
- Chi phí bán hàng giảm 4.609 triệu đồng tương đương giảm 62,54% so với cùng kỳ năm 2015/2016;

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2016

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương